

Một số command line thường dùng trong linux:

1. pwd

Command pwd được dùng để tìm đường dẫn của thư mục hiện tại (folder) mà bạn đang ở trong đó. Command này sẽ trả về đường dẫn hoàn chỉnh (đầy đủ), bắt đầu bằng dấu gạch chéo (/)

2. cd

Để chuyển hướng trong hệ thống tập tin Linux, bạn có thể sử dụng command cd. Nó sẽ cần nhập đường dẫn đầy đủ hoặc tên thư mục bạn muốn chuyển tới.

Có nhiều cách di chuyển nhanh bằng cd như sau:

cd .. (với 2 chấm) để chuyển lên 1 cấp thư mục trên

cd để tới thẳng thư mục home

cd- (với dấu gạch ngang) để chuyển tới thư mục bạn đã ở trước đó

3. ls

Command ls được dùng để xem nội dung thư mục. Mặc định là command này sẽ hiển thị danh sách file trong thư mục hiện tại.

Có nhiều phiên bản để dùng với lệnh ls như sau:

ls -R liệt kê các file bao gồm cả các thư mục phụ bên trong

ls -a liệt kê những file ẩn

ls -al liệt kê tất cả file và thư mục với thông tin chi tiết như phân quyền, kích thước, chủ sở hữu,...

4. cat

cat là một trong các lệnh cơ bản trong Linux được sử dụng thường xuyên nhất trong Linux. Nó được dùng để xem nội dung file trên output tiêu chuẩn (stdout).

Để chạy lệnh này, gõ cat theo sau là tên file và phần mở rộng. Ví dụ: cat file.txt.

5. cp

Sử dụng command cp để sao chép files từ thư mục hiện tại.

6. mv

Công dụng chính của command mv là di chuyển files, dù nó cũng có thể được dùng để đổi tên files.

Ví dụ: mv file.txt /home/username/Documents.

7. mkdir

Command mkdir được dùng để tạo thư mục mới – giống như mkdir Music sẽ tạo thư mục mới gọi là Music.

8. rmdir

Nếu bạn cần xóa thư mục, sử dụng command rmdir. Tuy nhiên, rmdir chỉ cho phép bạn xóa các thư mục trống.

9. rm

Command rm được sử dụng để xóa thư mục cùng và nội dung bên trong. Nếu bạn chỉ muốn xóa thư mục – tương tự như lệnh rmdir – sử dụng rm -r.

10. find

Command find để xác định vị trí files trong thư mục nhất định.

Ví dụ, command find /home/ -name notes.txt sẽ tìm file tên notes.txt trong thư mục chính và thư mục con của nó.

Một vài biết thể để dùng lệnh find là:

Để tìm file trong thư mục hiện tại, dùng lệnh find . -name notes.txt

11. sudo

Command sudo là viết tắt của “SuperUser Do”, cho phép bạn thực hiện các tác vụ yêu cầu quyền quản trị hoặc quyền root.

12. df

Command df dùng để nhận báo cáo về dung lượng lưu trữ được sử dụng trên hệ thống, hiển thị theo tỷ lệ phần trăm và KBs. Nếu bạn muốn xem báo cáo tính bằng megabyte, hãy nhập df -m.

12. diff

Viết tắt của difference, command diff sẽ so sánh nội dung của 2 files từng dòng một. Sau khi phân tích files này, nó sẽ xuất ra các dòng không khớp nhau.

Vd: diff file1.ext file2.ext

13. wget

Một dòng lệnh cực kỳ hữu ích của Linux – bạn có thể tải file từ internet xuống với sự trợ giúp của command wget. Để làm được, chỉ cần gõ wget, đằng sau là link tải xuống.

14. zip, unzip

Sử dụng lệnh zip để nén file thành zip archive và lệnh unzip để giải nén file zipped trong zip archive.

Một số lệnh khác thường dùng: tar (với nhiều flag đi kèm) để giải nén các file nén khác .zip, chmod để phân quyền cho file và thư mục.

Một số thủ thuật:

Sử dụng lệnh clear để dọn dẹp terminal cho gọn nếu có quá nhiều command đã được thực thi trước.

Ctrl+C và Ctrl+Z được dùng để dừng bất kỳ command nào đang chạy. Ctrl+C sẽ an toàn dừng command một cách an toàn, còn Ctrl+Z sẽ buộc dừng.

Ctrl+A chuyển đến đoạn đầu của dòng trong khi đó Ctrl+E chuyển tới cuối dòng.

Bạn có thể chạy nhiều command cùng lúc trong cùng một dòng lệnh bằng cách dùng dấu “;” để tách chúng ra. Ví dụ `Command1; Command2; Command3`. hoặc dùng dấu `&&` nếu bạn muốn chạy các lệnh cơ bản trong Linux một cách tuần tự, lệnh sau chỉ chạy khi lệnh đầu thành công.